

Số: /BC-THPT TS

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Công khai thường niên năm 2025

I.THÔNG TIN CHUNG

1.Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Thủy Sơn

2. Địa chỉ trụ sở, các thông tin của trường:

- Địa chỉ: TDP7, phường Thuỷ Nguyên, Hải Phòng
- Địa chỉ Website: <https://thptthuysơn.haiphong.edu.vn>
- Điện thoại: 02253873520
- Email: thpt-thuysơn@haiphong.edu.vn

3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp, nhiệm vụ:

- Loại hình trường: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở GD&ĐT Hải Phòng.
- Nhiệm vụ: Giáo dục bậc trung học phổ thông.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Xây dựng và duy trì trường THPT Thủy Sơn trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường Đại học top đầu cả nước. Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp kỷ cương, ý thức trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ giáo viên theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt- Học tốt”.

- Nơi các học sinh được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản; Có học văn phổ thông ở trình độ bậc THPT và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật, hướng nghiệp để tiếp tục học lên bậc Đại học hoặc học nghề.

- Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là “Nhân ái- Trách nhiệm- Hợp tác- Sáng tạo”.

5. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường THPT Thủy Sơn ngày nay được thành lập ngày 3/9/1997 theo Quyết định số 1524/QĐ/UB của UBND thành phố Hải Phòng với tên trường THPT Bán Công Thuỷ Nguyên. Ngày 09/08/2007 theo Quyết định số 1456 của UBND thành phố Hải Phòng trường được đổi tên thành trường THPT Thủy Sơn. Trải qua 28 năm xây dựng trưởng thành và phát triển, quy mô trường lớp ngày một tăng lên. Cơ sở vật chất nhà trường từng bước đầu tư khang trang làm thay đổi

diện mạo trường lớp. Với sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nê nếp, chất lượng của nhà trường từng bước được khẳng định.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn, người đại diện để liên hệ

* Người đại diện pháp luật: **Nguyễn Thị Thu Hoài**- Chức vụ: **Hiệu trưởng**

* Địa chỉ thường trú: Nhà số 1 tổ dân phố An Trang, phường An Hải, Hải Phòng

* Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

* Số điện thoại: 02253873520

* Email: thuhoaipt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a/ Quyết định thành lập trường: Theo Quyết định số 1524/QĐ/UB của UBND thành phố Hải Phòng với tên trường THPT Bán Công Thủy Nguyên. Ngày 09/08/2007 theo Quyết định số 1456 của UBND thành phố Hải Phòng trường được đổi tên thành trường THPT Thủy Sơn

b/ Hội đồng trường gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chức vụ HĐ
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Ánh Nguyên	Bí thư đoàn	Thư ký
3	Nguyễn Thị Hương	TTCMHS	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thúy	PBT CB, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Phạm Thị Ngọc Dao	CUV, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
6	Phạm Ngọc Linh	Tổ trưởng CM	Thành viên
7	Vũ Thị Định	Tổ trưởng CM	Thành viên
8	Đoàn Bá Thượng	Tổ trưởng CM	Thành viên
9	Phạm Thị Vân Nhung	Tổ trưởng CM	Thành viên
10	Nguyễn Thị Bích Liên	Tổ trưởng VP	Thành viên
11	Bùi Quốc Hùng	CUTPCM	Thành viên
12	Nguyễn Thị Nhung	Kế Toán	Thành viên
13	Nguyễn Ngọc Anh	Đội Trưởng đội hình sự phường Thủy Nguyên	Thành viên
14	Đỗ Văn Phong	CUV, TPCM	Thành viên
15	Nguyễn Thị Phương Thảo	BCHĐT	Thành viên

c/ Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng; phó hiệu trưởng

***Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng:** Quyết định số 1196/QĐ-SGDĐT ngày 06/03/2025 về việc Điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THPT Thủy Sơn đối với bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Phó Chánh thanh tra Sở, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT Thủy Sơn từ ngày 08/3/2025.

*** Quyết định điều động, bổ nhiệm phó hiệu trưởng:** Không có

d/ Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Sơ đồ tổ chức bộ máy

*** Quy chế tổ chức và hoạt động:**

Xây dựng, quy hoạch phát triển nhà trường; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn - văn phòng; Hội đồng tư vấn trong nhà trường; Bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ; Đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình các cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; Quản lý chuyên môn; phân công công tác kiểm tra đánh giá; Đánh giá viên chức theo thẩm quyền; Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật viên chức theo thẩm quyền; Ký hợp đồng lao động viên chức theo thẩm quyền và theo các văn bản hướng dẫn; Đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên theo thẩm quyền.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; Xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh; Khen thưởng, kỷ luật học sinh theo các văn bản hướng dẫn.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính của nhà nước đối với viên chức người lao động và đối với học sinh; Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá theo các văn bản hướng dẫn; Chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung hoạt động giáo dục, nguồn lực tài chính;.....

***Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:**

STT	Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường
1	Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.
3	Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường
4	Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
5	Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
6	Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
7	Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
8	Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
9	Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10	Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
11	Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
12	Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

e/ Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

*** Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu Hoài**

Người đại diện pháp luật: **Nguyễn Thị Thu Hoài**- Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Địa chỉ thường trú: Nhà số 1 tổ dân phố An Trang, phường An Hải, Hải Phòng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Thủy Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Số điện thoại: 02253873520

Email: thuhoaipt@gmail.com

*** Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Ngọc Dao**

- Địa chỉ thường trú: TDP Đông Hoa, Phường Thủy Nguyên, Hải Phòng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Thủy Sơn, Phường Thủy Nguyên, Hải Phòng.

- Số điện thoại: **0988120283**

- Email: ngocdaots2015@gmail.com

*** Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thúy**

-Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 1, Lưu Kiếm, Hải Phòng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Thủy Sơn, Phường Thủy Nguyên, HP.

- Số điện thoại: **0941399386**

- Email: Nguyen.thuy255@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển Trường THPT Thủy Sơn giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng và xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025

- Quy chế dân chủ cơ sở của Trường THPT Thủy Sơn;

- Quy chế hoạt động của Hội đồng Trường THPT Thủy Sơn;

- Quy tắc ứng xử trong đơn vị trường học;

- Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường THPT Thủy Sơn;

- Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ.

- Kế hoạch giáo dục nhà trường theo năm học;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CAN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Thông tin về đội ngũ:

a/ Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm, trình độ được đào tạo: Tính từ tháng 01/2025 đến ngày 31/5/2025

STT	Vị trí	Số lượng		Biên chế	Đăng viên	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Khác
Tổng số CBGV,NV		70	51	63	34	7	17	44	1	7
Quản lý		3	3	3	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	2	2	0	2	0	0	0
Giáo viên		58	42	58	27	0	14	43	0	0
1	Toán	10	7	10	3	0	5	5	0	0
2	Ngữ văn	10	9	10	4	0	1	8	0	0
3	Tiếng anh	7	6	7	1	0	2	5	0	0
4	Vật lý	3	1	3	0	0	1	2	0	0
5	Hóa học	5	3	5	4	0	3	2	0	0
6	Sinh học	3	2	3	3	0	1	2	0	0
7	Lịch sử	3	3	3	3	0	0	3	0	0
8	Địa lý	4	4	4	2	0	0	4	0	0
9	Công nghệ	3	2	3	2	0	0	3	0	0
10	KT-PL	3	3	3	2	0	0	3	0	0
11	GDTC	4	2	4	2	0	0	4	0	0

12	Tin học	3	0	3	1	0	1	2	0	0
13	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	GDDP	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Bí thư Đoàn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân viên		9	6	2	4	7	0	1	1	7
1	Kế toán	1	1	0	1	1	0	1	0	0
2	Thư viện	1	1	1	1	1	0	0	1	0
3	Thiết bị		1	0	0	0	0	0	0	0
4	Văn Thư	1	1	1	1	0	0	0	0	1
4	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Y tế	1	0	0	0	0	0	0	0	1
6	CNTT	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Bảo vệ	3	0	0	1	3	0	0	0	3
8	Lao công	2	2	0	0	2	0	0	0	2

b/ Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Cán bộ quản lý: 03 người. Tỉ lệ đạt trên chuẩn: 100%
- Giáo viên: 58 người. Tỉ lệ đạt chuẩn trở lên: 100%. Trong đó có: 14 trên chuẩn

c/ Công tác bồi dưỡng hàng năm:

-Có 100% CBGV tham gia các lớp học bồi dưỡng theo quy định như: Bồi dưỡng mô đun; bồi dưỡng CDS,....

-Các đồng chí trình độ Cao đẳng đã học và hoàn thiện nâng trình độ Đại học để đạt chuẩn theo quy định.

-Giáo viên ngoại ngữ đạt trình độ B2 theo quy định.

-Có 02 đồng chí tiếp tục học văn bằng 2 trình độ Đại học.

-Có 03 đồng chí CBQL tốt nghiệp Thạc sỹ QLGD.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1/ Diện tích về đất xây dựng trường:

- Diện tích đất 7.825,7 m²; Điểm trường: 01 điểm.
- Tỉ lệ diện tích bình quân cho 01 học sinh: quy định tối thiểu là 10m²/học sinh, mới đạt 5,9m²/học sinh.

2/ Số lượng, hạng mục phòng hành chính quản trị; Khối phòng học; Khối phòng hỗ trợ học tập; Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; Khối phục vụ sinh hoạt; Hạ tầng kỹ thuật.

a/Khối phòng hành chính quản trị:

STT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng Hiệu trưởng	01	Đủ trang thiết bị theo quy định
2	Phòng phó hiệu trưởng	02	Đủ trang thiết bị theo quy định
3	Phòng Bảo vệ	02	Đảm bảo, thuận lợi cho quan sát
4	Hội trường (Phòng họp lớn)	01	Đủ trang thiết bị theo quy định
5	Nhà xe Giáo viên	02	Đủ chỗ để xe cho CBGV
6	Khu vệ sinh GV	02	Có phòng WC nam, nữ riêng

b/Khối phòng học tập

ST T	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	Hiện có		
1	Phòng học	33	Trang thiết bị đủ theo quy định
2	Phòng bộ môn Âm nhạc	0	
3	Phòng bộ môn Mỹ thuật	0	
4	Phòng bộ môn Hóa- Sinh	01	Có kho chứa thiết bị, trang thiết bị
5	Phòng bộ môn Tin học	02	
6	Phòng bộ môn KHTN	0	
Tổng		32	
II	Còn Thiếu		
1	Phòng Ngoại ngữ	01	
2	Phòng đa chức năng	01	
3	Phòng bộ môn KHXH	0	

c/Khối phòng hỗ trợ học tập:

STT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	Hiện có		
1	Phòng thư viện	01	
2	Phòng thiết bị giáo dục	01	
3	Phòng truyền thống	0	
4	Phòng Đoàn	01	
II	Còn thiếu		
1	Phòng tư vấn học đường, hỗ trợ HS khuyết tật hoà nhập	01	

d/ Khối phụ trợ:

STT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng họp	01	Kết hợp với hội trường
2	Phòng tổ KHTN	02	Có bàn ghế, trang thiết bị đầy đủ
3	Phòng tổ KHXH	02	Có bàn ghế, trang thiết bị đầy đủ
4	Phòng y tế học đường	01	Có bàn ghế, trang thiết bị đầy đủ
5	Phòng Khảo thí	01	Có bàn ghế, trang thiết bị đầy đủ
6	Phòng Kế toán	01	Có bàn ghế, trang thiết bị đầy đủ
7	Nhà để xe học sinh	01	Diện tích 700m ²
8	Khu vệ sinh học sinh	02	Đảm bảo đủ theo quy định
9	Nhà Kho	05	Đảm bảo theo quy định
10	Cổng, hàng rào	02	Đảm bảo theo quy định

e/ Khu sân chơi, thể dục thể thao:

+/ Sân trường: Hoạt động chung của trường đủ diện tích đảm bảo theo quy định. Sân có cây xanh, bóng mát.

+/ Sân thể dục thể thao: Diện tích đảm bảo theo quy định, có dụng cụ và thiết bị vận động cho học sinh.

+/ Nhà tập đa năng: Đang xây dựng với diện tích 450m² đủ theo quy định.

f/ Hạ tầng kỹ thuật

***/ Hệ thống nước sạch:** - Đảm bảo các quy định về tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định;

- Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp với rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo.

***. Hệ thống cấp điện:** Đảm bảo theo quy định.

***. Hệ thống PCCC:** Đảm bảo theo quy định.

***. Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc:** Điện thoại; Kết nối mạng Internet phục vụ các hoạt động của trường đảm bảo theo quy định.

***. Thu gom rác thải:** Bố trí hợp lý, đảm bảo quy định.

3/ Thiết bị dạy học hiện có:

***. Các phòng bộ môn:** Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

***. Thiết bị dạy học:**

TT	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ thiết bị	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối 10	615	06/12 lớp
1.2	Khối 11	123	06/11 lớp

TT	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ thiết bị	Số bộ/lớp
1.3	Khối 12	257	06/10 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	
2.1	Khối 10	2	
2.2	Khối 11	2	
2.3	Khối 12	2	

*. Trang thiết bị hiện có:

STT	Tên thiết bị, CSVC	Số lượng	Ghi chú
1	Ti vi tại các phòng học	32 chiếc	32 phòng học
2	Máy vi tính	60	- Phòng tin: có 50 máy - Phòng học: 0 máy - Các phòng ban: 10
3	Camera dạy học trực tuyến	01 bộ	
4	Phòng học có điều hoà	32 phòng	- Mỗi phòng 02 bộ tổng 63 điều hòa
5	Hệ thống camera giám sát	01 bộ	Gồm 32 mắt camera
6	Hệ thống loa máy	01 bộ	

4/ Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo Dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo Dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 10	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo Dục Việt Nam
4	Lịch Sử 10	Cánh Diều	Nguyễn Văn Ninh	Đại học Sư phạm
5	Địa lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	Giáo Dục Việt Nam
6	GD KT&PL 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	Giáo Dục Việt Nam
8	Hóa học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	Giáo Dục Việt Nam
9	Sinh học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo Dục Việt Nam
11	GDTC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo Dục Việt Nam
		Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc	Đại học Sư Phạm
12	QPAN 10	Kết nối tri thức	Nghiêm Viết Hải	Giáo Dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
		với cuộc sống		
13	Công nghệ 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo Dục Việt Nam
14	HD TN - HN 10	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo Dục Việt Nam
15	Mỹ thuật 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Xuân Nghị	Giáo Dục Việt Nam
16	Âm nhạc 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	Giáo Dục Việt Nam

Danh mục gồm 16 sách giáo khoa lớp 10./.

1. Lớp 11:

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo Dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo Dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 11	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo Dục Việt Nam
4	Lịch Sử 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Giáo Dục Việt Nam
5	Địa lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	Giáo Dục Việt Nam
6	GD KT&PL 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	Giáo Dục Việt Nam
7	Vật lý 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo Dục Việt Nam
8	Hóa học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	Giáo Dục Việt Nam
9	Sinh học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo Dục Việt Nam
11	GDTC 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo Dục Việt Nam
		Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc	Đại học Sư Phạm
12	Công nghệ 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo Dục Việt Nam
13	HD TN - HN 11	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo Dục Việt Nam
14	Mỹ thuật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê	Giáo Dục Việt Nam
15	Âm nhạc 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	Giáo Dục Việt Nam

Danh mục gồm 15 sách giáo khoa lớp 11./.

c/ Sách giáo khoa lớp 12:

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo Dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Toán 12			
2	Ngữ Văn 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo Dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12			
3	Tiếng Anh 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo Dục Việt Nam
4	Lịch Sử 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Giáo Dục Việt Nam
5	Địa lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	Giáo Dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12			
6	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	Giáo Dục Việt Nam
7	Vật lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo Dục Việt Nam
8	Hóa học 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	Giáo Dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 12			
9	Sinh học 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo Dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền - Bóng đá	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo Dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông	Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản- Thiết bị GDVN (Đơn vị liên kết: NXB Đại học sư phạm)
12	Công nghệ 12, Lâm Nghiệp- Thủy sản	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo Dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
	Công nghệ 12, Công nghệ Điện- điện tử			
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo Dục Việt Nam
14	Mỹ thuật 12 - Hội họa - Thiết kế đồ họa - Thiết kế thời trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê	Giáo Dục Việt Nam
15	Âm nhạc 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Phương Hoa	Giáo Dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Trường THPT Thủy Sơn được công nhận là trường chuẩn quốc gia vào năm 2021 theo quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc Công nhận Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Trường THPT Thủy Sơn đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2021 theo quyết định số 489/QĐ-SGD&ĐT-KTKĐ ngày 05/5/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

Căn cứ Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ

sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường THPT Thủy Sơn tự rà soát đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả Đạt			Nội dung không đạt
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1	Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.2		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.3		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.4		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.5		Đạt	Đạt		Số HS/lớp
Tiêu chí 1.6		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.7		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.8		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.9		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 1.10		Đạt	Đạt		
Tiêu chuẩn 2	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.2		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.3		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.4		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 3	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.2		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 3.3		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 3.4		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 3.5		Đạt	Đạt	Đạt	

Tiêu chí 3.6		Đạt	Đạt		Thư viện
Tiêu chuẩn 4	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 4.2		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chuẩn 5	Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.2		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.3		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 5.4		Đạt	Đạt		
Tiêu chí 5.5		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.6		Đạt	Đạt		5.6.b

Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	Có giải HS NC KHKT cấp TP
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2.

2.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

Trường THPT Thủy Sơn được công nhận là trường chuẩn quốc gia vào năm 2021 theo quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc Công nhận Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trường THPT Thủy Sơn đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2021 theo quyết định số 489/QĐ-SGD&ĐT-KTKĐ ngày 05/5/2021 của Giám đốc

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Đối chiếu với Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT (ngày 22/8/2018) và Văn bản hợp nhất số 12/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: Trường THPT Thủy Sơn đến thời điểm tháng 8/2025 tự đánh giá đạt được Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và Chuẩn quốc gia mức độ 2.

Tiếp tục tham mưu với các cấp để đầu tư sửa chữa, xây mới các cơ sở hạ tầng, đầu tư các trang thiết bị để Trường THPT Thủy Sơn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào cuối năm 2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

V.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025-2026

A/ Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026 là: 540 học sinh; Số lớp: 12 lớp.

2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển: Học sinh đã hoàn thành chương trình THCS và trúng tuyển vào trường trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026.

3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển học sinh diện 1 và diện 2.

3.1. Thi tuyển: 485 học sinh.

3.2. Xét tuyển: 03 số học sinh.

4. Hình thức đăng ký tuyển sinh: Trực tuyến.

5. Thời gian đăng ký trực tuyến: Từ ngày 21/04/2025 đến ngày 28/04/2025: Phụ huynh đăng ký tuyển sinh trên Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ: <https://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn/>

6. Thời gian tiếp nhận nộp hồ sơ tại Trường THPT Thủy Sơn:

6.1. Thông báo, gửi hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 16/05 đến ngày 19/05/2025.

Sáng từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút;

Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút.

6.2. Tổ chức kỳ thi tuyển sinh: Từ ngày 03/06/2025 đến ngày 04/06/2025.

Sáng từ 8 giờ 00 phút đến 10 giờ 05 phút;

Chiều từ 14 giờ 00 phút đến 15 giờ 05 phút.

6.3. Thu hồ sơ trúng tuyển:

Đợt 1. Từ ngày 04/7 đến ngày 09/7/2025

Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút;

Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút.

Đợt 2. Từ ngày 12/7 đến ngày 15/7/2025

Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút;

Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút.

B. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2025- 2026

1. Quy mô về số lớp, số học sinh:

Số lớp, số học sinh năm học 2025-2026	Số lớp	Số học sinh dự kiến
10	12	543
11	11	495
12	10	446
Toàn trường	33	1485

2. Duy trì sĩ số học sinh các lớp trong hè ngăn chặn học sinh có nguy cơ bỏ học trong hè và năm học mới bằng việc giáo viên chủ nhiệm kết hợp với gia đình học sinh và đoàn thể xã hội động viên các em có ý định bỏ học trở lại lớp.

3. Tiếp tục tuyên truyền để thực hiện tốt công tác giáo dục ATGT, PCCC, phòng chống bạo lực đối với học sinh. Duy trì tốt vệ sinh trường lớp, quang cảnh trường học.

4. Tổ chức quán triệt, kết phối hợp với phụ huynh nghiêm cấm học sinh vào bơi tại các khu vực bến tắm tự phát như: Minh Đức, Ngũ Lão, Trung Hà, Thủy Triều..... Tham mưu với địa phương tăng cường công tác quản lý, không để xảy ra tình trạng xây dựng, sử dụng bến tắm tự phát, lấn, chiếm dòng chảy, các điểm dạy bơi, học bơi không an toàn trên địa bàn xã.

5. Tổ chức bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại khu dân cư theo kế hoạch của ban chỉ đạo hè phường, xã. Kết phối hợp với ban chỉ đạo hè xã tổ chức cho học sinh học bơi (với kinh phí tự đóng góp của cha mẹ người học) tại các điểm được cấp phép và đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình học.

6. Công tác bồi dưỡng HS xếp loại chưa đạt:

- Với học sinh xếp loại chưa đạt cuối học kì liền kề, nhà trường có kế hoạch phụ đạo, bồi dưỡng để các em đạt mức đạt trở lên

7. Tiếp tục triển khai công tác ôn HSG TP

8. Tiếp tục tu sửa, nâng cấp CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học.

9. Cán bộ giáo viên tích cực học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt là tham gia tập huấn trong hè, tham gia lớp bồi dưỡng, chọn cử các đồng chí giáo viên tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ do sở giáo dục tổ chức. Tăng cường việc tự học tự bồi dưỡng để nâng cao tay nghề; Học để đạt các tiêu chí theo quy định.

10. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành gắn với việc đổi mới giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên và học sinh.

12. Tích cực đổi mới công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra đột xuất và kiểm tra thường xuyên. Phân công rõ người, rõ việc. Phân công công việc có kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời.

V.2. Thông tin về kết quả thực tế của năm học 2024- 2025:

1. Kết quả tuyển sinh năm học 2024- 2025: Thực hiện theo đúng quy định.

Số học sinh tuyển sinh được là 495/495 học sinh. Đạt tỉ lệ 100%

- Thông tin số lớp, số học sinh năm học 2024- 2025:

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Số nữ	Bình quân HS/lớp	Dân tộc	Số HS Khuyết tật	Ghi chú
Khối 10	11	496	226	49,1	2	3	
Khối 11	10	446	199	44,6	2	2	
Khối 12	10	438	191	43,8	1	1	
Toàn trường	31	1380	616	45,5	5	6	

2. Kết quả 2 mặt giáo dục năm học 2024- 2025:

a/ Kết quả rèn luyện:

STT	Lớp	Khối	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN							
					TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG TOÀN TRƯỜNG			1380	616	1337	96.88	43	3.12				
TỔNG KHỐI 10			496	226	465	93.75	31	6.25				
1	10A1	Khối 10	48	16	48	100.00						
2	10A2	Khối 10	48	6	42	87.50	6	12.50				
3	10A3	Khối 10	40	17	40	100.00						
4	10A4	Khối 10	42	11	42	100.00						
5	10A5	Khối 10	43	29	36	83.72	7	16.28				
6	10A6	Khối 10	41	19	35	85.37	6	14.63				

STT	Lớp	Khối	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN							
					TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
7	10A7	Khối 10	44	20	38	86.36	6	13.64				
8	10A8	Khối 10	47	22	41	87.23	6	12.77				
9	10A9	Khối 10	47	28	47	100.00						
10	10A10	Khối 10	48	27	48	100.00						
11	10A11	Khối 10	48	31	48	100.00						
TỔNG KHỐI 11			446	199	434	97.31	12	2.69				
13	11B1	Khối 11	43	14	43	100.00						
14	11B2	Khối 11	38	9	37	97.37	1	2.63				
14	11B3	Khối 11	44	13	42	95.45	2	4.55				
16	11B4	Khối 11	48	18	47	97.92	1	2.08				
17	11B5	Khối 11	45	22	45	100.00						
18	11B6	Khối 11	47	23	47	100.00						
19	11B7	Khối 11	42	20	40	95.24	2	4.76				
20	11B8	Khối 11	48	30	46	95.83	2	4.17				
21	11B9	Khối 11	46	26	42	91.30	4	8.70				
22	11B10	Khối 11	45	24	45	100.00						
23	11B1	Khối 11	43	14	43	100.00						
TỔNG KHỐI 12			438	191	438	100.00						
13	12C1	Khối 12	38	16	38	100.00						
14	12C2	Khối 12	38	15	38	100.00						
14	12C3	Khối 12	40	11	40	100.00						
16	12C4	Khối 12	40	9	40	100.00						
17	12C5	Khối 12	47	29	47	100.00						
18	12C6	Khối 12	47	28	47	100.00						
19	12C7	Khối 12	47	14	47	100.00						
20	12C8	Khối 12	48	21	48	100.00						
21	12C9	Khối 12	45	22	45	100.00						
22	12C10	Khối 12	48	26	48	100.00						

b/ Kết quả học tập:

STT	Lớp	Khối	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ HỌC TẬP							
					TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ

STT	Lớp	Khôi	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ HỌC TẬP							
					TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG TOÀN TRƯỜNG			1380	616	716	51.88	577	41.81	87	6.30		
TỔNG KHỐI 10			496	226	123	24.80	314	63.31	59	11.90		
1	10A1	Khối 10	48	16	26	54.17	22	45.83				
2	10A2	Khối 10	48	6	1	2.08	33	68.75	14	29.17		
3	10A3	Khối 10	40	17	13	32.50	26	65.00	1	2.50		
4	10A4	Khối 10	42	11	3	7.14	27	64.29	12	28.57		
5	10A5	Khối 10	43	29	4	9.30	32	74.42	7	16.28		
6	10A6	Khối 10	41	19	7	17.07	27	65.85	7	17.07		
7	10A7	Khối 10	44	20	10	22.73	28	63.64	6	13.64		
8	10A8	Khối 10	47	22	7	14.89	36	76.60	4	8.51		
9	10A9	Khối 10	47	28	7	14.89	34	72.34	6	12.77		
10	10A10	Khối 10	48	27	6	12.50	40	83.33	2	4.17		
11	10A11	Khối 10	48	31	39	81.25	9	18.75				
TỔNG KHỐI 11			446	199	248	55.61	178	39.91	20	4.48		
13	11B1	Khối 11	43	14	33	76.74	10	23.26				
14	11B2	Khối 11	38	9	15	39.47	23	60.53				
14	11B3	Khối 11	44	13	13	29.55	26	59.09	5	11.36		
16	11B4	Khối 11	48	18	31	64.58	15	31.25	2	4.17		
17	11B5	Khối 11	45	22	23	51.11	19	42.22	3	6.67		
18	11B6	Khối 11	47	23	36	76.60	11	23.40				
19	11B7	Khối 11	42	20	19	45.24	20	47.62	3	7.14		
20	11B8	Khối 11	48	30	17	35.42	27	56.25	4	8.33		
21	11B9	Khối 11	46	26	17	36.96	26	56.52	3	6.52		
22	11B10	Khối 11	45	24	44	97.78	1	2.22				
TỔNG KHỐI 12			438	191	345	78.77	85	19.41	8	1.83		
13	12C1	Khối 12	38	16	29	76.32	8	21.05	1	2.63		
14	12C2	Khối 12	38	15	35	92.11	3	7.89				
14	12C3	Khối 12	40	11	34	85.00	6	15.00				
16	12C4	Khối 12	40	9	36	90.00	4	10.00				
17	12C5	Khối 12	47	29	33	70.21	12	25.53	2	4.26		
18	12C6	Khối 12	47	28	38	80.85	8	17.02	1	2.13		
19	12C7	Khối 12	47	14	20	42.55	24	51.06	3	6.38		

STT	Lớp	Khối	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ HỌC TẬP							
					TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
20	12C8	Khối 12	48	21	42	87.50	5	10.42	1	2.08		
21	12C9	Khối 12	45	22	37	82.22	8	17.78				
22	12C10	Khối 12	48	26	41	85.42	7	14.58				

3. Số học sinh tốt nghiệp THPT: 438/438 em

4. Số học sinh giỏi các cấp:

Tổng số giải học sinh giỏi thành phố: 29 giải

Tổng số giải học sinh giỏi cấp trường: 190 giải

Cụ thể như sau:

Môn thi, các cuộc thi	Cấp trường					Cấp Thành phố					Cấp quốc gia			
	SL đạt giải	Giải				SL đạt giải	Giải				Giải			
		Nhất	Nhì	Ba	KK		Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK
Văn hoá	190	23	38	53	75	27	1	7	8	11	0	0	0	0
KHKT	5	4	1	0	0	2	0	0	1	1	0	0	0	0
Tổng	195	27	39	53	75	29	1	7	9	12	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác đầu tư CSVC: Được các cấp quan tâm quan tâm sửa chữa, nâng cấp, xây mới các hạng mục công trình; Các bậc phụ huynh, quan tâm giúp đỡ đầu tư để từng bước có CSVC tốt nhất phục vụ công tác dạy và học.

2. Đội ngũ CBGV,NV đã được tăng cường cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Các đồng chí đã tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là việc học để đạt chuẩn và trên chuẩn đã được quan tâm.

3. Việc tuyên truyền và thực hiện công tác an ninh trật tự được quan tâm, đồng hành quyết liệt của CBGV,NV , phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc phát hiện xử lý các trường hợp vi phạm.

4. Các nhà hảo tâm, các công ty doanh nghiệp luôn đồng hành ủng hộ nhà trường để cho các phong trào khuyến học, khuyến tài để cho học sinh cố gắng trong học tập.

5. Kết quả đánh giá cuối năm học 2024- 2025:

a/ Đối với tập thể, đoàn thể:

+/ Tập thể nhà trường: đạt danh hiệu Tập thể LĐXS.

+/ Đoàn thanh niên: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b/ Kết quả danh hiệu cá nhân:

+/ Đề nghị: Bằng khen Bộ giáo dục: 01 đồng chí.

+/- Đề nghị :Bằng khen của Thành phố Hải Phòng: 02 đồng chí.

+/- Đề nghị Giấy khen của GĐSGD: 11 đồng chí.

+/- Danh hiệu LĐTT: 71 đồng chí, trong đó: CSTĐCS: 09 đồng chí.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2025 của Trường THPT
Thủy Sơn.

Nơi nhận:

- SGD (để báo cáo);
- CB-GV-NV;
- Website trường;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hoài